

## Ảnh hưởng của cận thị

**2020**

Cận thị ảnh hưởng gần

**30%** dân số thế giới

**2050**

Cận thị ảnh hưởng gần

**50%** dân số thế giới

Cận thị nặng sẽ ảnh hưởng

**10%** dân số thế giới

Cận thị  
-0.50 D trở lên

Cận thị nặng  
-5.00 D trở lên



### Nguy cơ suy giảm thị lực

Cận thị không được chỉnh kính là nguyên nhân hàng đầu của suy giảm thị lực có thể phòng tránh được. Những biến chứng liên quan đến cận thị nặng có thể đe dọa thị lực như bệnh lý thoái hóa hoàng điểm do cận thị.



### Giáo dục

Ở trẻ em, thị lực kém hay giảm thị lực do không chỉnh kính có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập và gây ra những áp lực về tâm lý xã hội. Thái độ tiêu cực đối với việc đeo kính cũng ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe tâm lý xã hội.



### Chất lượng cuộc sống

Cận thị và các biến chứng do cận thị đã được chứng minh gây giảm chất lượng cuộc sống. Chất lượng cuộc sống bị ảnh hưởng cho dù cận thị được chỉnh kính hay không và mức độ ảnh hưởng tùy thuộc phương thức điều chỉnh cận thị.



### Ảnh hưởng kinh tế

Cận thị là một bệnh lý tiến triển tăng dần, do đó các chi phí trực tiếp (chẩn đoán, điều chỉnh/kiểm soát, điều trị cận thị và việc di chuyển khi thăm khám) và chi phí do giảm năng suất làm việc là rất đáng kể.

## Yếu tố nguy cơ



Trình độ học vấn cao hơn và làm việc nhìn gần nhiều hơn

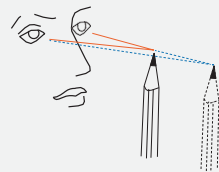


Ít thời gian sinh hoạt ngoài trời



- Chứng tộc Đông Á
- Bố mẹ bị cận thị
- Nữ dễ mắc cận thị hơn theo một số nghiên cứu

## Thị giác hai mắt



- Mỗi liên hệ với sự phát triển cận thị chưa rõ ràng
- Tối ưu hóa điều tiết và quy tụ để trẻ nhìn một hình ảnh rõ nét là rất quan trọng

## Cận thị bệnh lý

### Hệ thống phân loại META-PM

Phân độ

Dấu hiệu ở võng mạc

0	Không tổn thương võng mạc cận thị
1	Thoái hóa dạng vân da hổ
2	Teo hắc mạc dạng tỏa lan
3	Teo hắc mạc dạng khu trú
4	Teo hoàng điểm

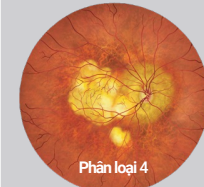
Tổn thương

Vết nứt ở màng Bruch, tân mạch

Kèm theo

hắc mạc cận thị, điểm Fuchs

Giãn lồi cực sau nhãn cầu



Phân loại 4



**3%** dân số thế giới bị ảnh hưởng bởi cận thị bệnh lý

**1-3%** người châu Á

**1%** người châu Âu

### Ảnh hưởng

**50-70%**

người cận thị nặng



Tăng theo tuổi và độ cầu tương đương/chiều dài trục nhãn cầu



Tăng tỉ lệ mắc và mức độ nặng ở người 40 tuổi trở lên

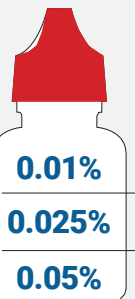
Các lựa chọn quản lý – Hiệu quả điều trị được báo cáo phụ thuộc vào tuổi bắt đầu điều trị, thời gian điều trị, mức độ tuân thủ và các yếu tố nhân khẩu học/môi trường.

## Ngăn khởi phát

### Lựa chọn thuốc



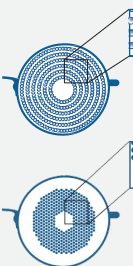
**2 giờ+** ngoài trời mỗi ngày



### Atropine

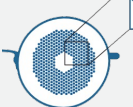
<b>0.01%</b>	$\Delta$ SphE 0.39 D $\Delta$ AL 0.13 mm
<b>0.025%</b>	$\Delta$ SphE 0.43 D $\Delta$ AL 0.16 mm
<b>0.05%</b>	$\Delta$ SphE 0.62 D $\Delta$ AL 0.25 mm

### Lựa chọn kính gọng



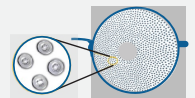
#### Vi lăng kính phi cầu (HAL)

2 năm  
 $\Delta$ SphE 0.80 D (55%)  
 $\Delta$ AL 0.35 mm (51%)



#### Chỉnh tiêu cự đa vùng kết hợp (DIMS)

2 năm  
 $\Delta$ SphE 0.44 D (52%)  
 $\Delta$ AL 0.34 mm (62%)



#### Công nghệ quang học khuếch tán (DOT)

1 năm  
 $\Delta$ SphE 0.40 D (74%)  
 $\Delta$ AL 0.15 mm (50%)



Kính hai tiêu cự lăng kính Executive (+1.50 D add)  
3 năm  
 $\Delta$ SphE 1.05 D (51%)  
 $\Delta$ AL 0.28 mm (34%)



Kính đa tiêu cự (PALS)  
2 năm  
 $\Delta$ SphE 0.14 D (24%)  
 $\Delta$ AL 0.04 mm (28%)



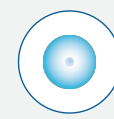
Kính giảm viễn thị chu biến  
2 năm  
 $\Delta$ SphE 0.04 D (3%)  
 $\Delta$ AL 0.04 mm (5%)

## Làm chậm tiến triển cận thị

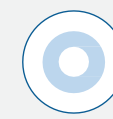
### Lựa chọn kính áp tròng



Tiêu cự đôi  
3 years  
 $\Delta$ SphE 0.73 D (59%)  
 $\Delta$ AL 0.32 mm (52%)



Tăng độ sâu trường ảnh  
2 years  
 $\Delta$ SphE 0.37 D (32%)  
 $\Delta$ AL 0.15 mm (25%)



Đa tiêu cự với trung tâm nhìn xa (Add +2.50 D)  
3 năm  
 $\Delta$ SphE 0.46 D (44%)  
 $\Delta$ AL 0.23 mm (35%)

US FDA chứng nhận

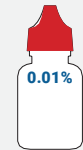
Kính áp tròng mềm – đeo hằng ngày



Kính Ortho-K\*  
2 năm  
 $\Delta$ AL 0.27 mm (45%)  
Đeo qua đêm khi ngủ

### Phối hợp các phương pháp

Kết hợp  
Atropine (0.01%) và Ortho-K  
2 năm  
 $\Delta$ AL 0.11 mm (27%) so với điều trị Ortho-K đơn trị liệu



**0.01%**



Liệu pháp ánh sáng đỏ và xanh – tính an toàn chưa được khẳng định